

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Kế hoạch thực hiện Quy hoạch tỉnh Quảng Ngãi thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24 tháng 11 năm 2017; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 11 luật có liên quan đến quy hoạch ngày 15 tháng 6 năm 2018; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 03 tháng 11 năm 2022 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Căn cứ Nghị quyết số 61/2022/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Quốc hội về tiếp tục tăng cường hiệu lực, hiệu quả thực hiện chính sách, pháp luật về quy hoạch và một số giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ lập và nâng cao chất lượng quy hoạch thời kỳ 2021 - 2030;

Căn cứ Nghị quyết số 81/2023/QH15 ngày 09 tháng 01 năm 2023 của Quốc hội về Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch; Nghị định số 58/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch;

Căn cứ Nghị quyết số 108/NQ-CP ngày 26 tháng 8 năm 2022 của Chính phủ về thực hiện Nghị quyết số 61/2022/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Quốc hội về tiếp tục tăng cường hiệu lực, hiệu quả thực hiện chính sách, pháp luật về quy hoạch và một số giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ lập và nâng cao chất lượng quy hoạch thời kỳ 2021 - 2030;

Căn cứ Nghị quyết số 168/NQ-CP ngày 29 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 03 tháng 11 năm 2022 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Căn cứ Nghị quyết số 90/NQ-CP ngày 16 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 81/2023/QH15 của Quốc hội về Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và Kế hoạch thực hiện Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 1456/QĐ-TTg ngày 22 tháng 11 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Quảng Ngãi thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Xét đề nghị của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi tại Tờ trình số 156/TTr-UBND ngày 30 tháng 9 năm 2024 về việc phê duyệt Kế hoạch thực hiện Quy hoạch tỉnh Quảng Ngãi thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch thực hiện Quy hoạch tỉnh Quảng Ngãi thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi chịu trách nhiệm toàn diện về nội dung tổng hợp, tiếp thu, giải trình ý kiến tham gia của các bộ, cơ quan liên quan và tính chính xác của số liệu, thông tin nêu trong Kế hoạch thực hiện Quy hoạch tỉnh Quảng Ngãi thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, QHĐP (02) vqt. 74





THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾ HOẠCH

Thực hiện Quy hoạch tỉnh Quảng Ngãi thời kỳ 2021-2030,
tầm nhìn đến năm 2050

(Kèm theo Quyết định số: 1320/QĐ-TTg ngày 01 tháng 11 năm 2024
của Thủ tướng Chính phủ)

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

a) Triển khai thực hiện có hiệu quả Quyết định số 1456/QĐ-TTg ngày 22 tháng 11 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Quảng Ngãi thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; xây dựng lộ trình tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả các chương trình, dự án thuộc các ngành, lĩnh vực nhằm thực hiện tốt các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp và định hướng phát triển của Quy hoạch tỉnh đã đề ra.

b) Xác định rõ nội dung, nhiệm vụ trọng tâm, phân công trách nhiệm cụ thể đối với từng cơ quan, đơn vị, địa phương nhằm thống nhất từ nhận thức đến hành động trong quá trình triển khai thực hiện Quy hoạch tỉnh.

c) Xác định cụ thể tiến độ và nguồn lực thực hiện các chương trình, dự án để xây dựng các chính sách, giải pháp nhằm thu hút các nguồn lực xã hội trong việc thực hiện Quy hoạch tỉnh.

d) Thiết lập khung tiêu chí đánh giá kết quả thực hiện theo từng giai đoạn để tổ chức rà soát, đánh giá việc thực hiện quy hoạch; làm cơ sở để xem xét điều chỉnh, bổ sung các nhiệm vụ, giải pháp nhằm đạt được mục tiêu phát triển theo Quy hoạch tỉnh đã đề ra.

2. Yêu cầu

a) Bảo đảm tính tuân thủ, tính kế thừa các chương trình hành động, kế hoạch thực hiện quy hoạch cấp quốc gia, cấp vùng, kế hoạch đầu tư công đã được phê duyệt; bảo đảm tính liên kết, thống nhất, không chồng lấn, mâu thuẫn giữa các nhiệm vụ, chương trình, dự án của các ngành, các địa phương.

b) Bảo đảm tính khả thi, linh hoạt, phù hợp với định hướng phát triển chung của đất nước theo thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, bối cảnh hội nhập quốc tế và thực tiễn tại địa phương.

c) Huy động, phân bổ và sử dụng có hiệu quả mọi nguồn lực theo phương châm nội lực là căn bản, ngoại lực là quan trọng, kết hợp chặt chẽ nội lực với ngoại lực tạo ra nguồn lực tổng hợp tối ưu, lấy “đầu tư công làm vốn môi, dẫn dắt, kích hoạt đầu tư ngoài xã hội” để tạo đột phá thu hút vốn đầu tư trong phát triển và hoàn thiện hệ thống kết cấu hạ tầng chiến lược đồng bộ, hiện đại, bảo đảm liên thông tổng thể.

d) Phân bổ nguồn lực đầu tư tập trung có trọng tâm, trọng điểm, phù hợp với khả năng huy động nguồn vốn; sớm đưa dự án đầu tư hoàn thành vào sử dụng, bảo đảm phát huy hiệu quả sử dụng vốn đầu tư.

đ) Đề cao tính chủ động, sáng tạo, linh hoạt của địa phương trong triển khai thực hiện; đẩy mạnh phân cấp trong quản lý đầu tư, tạo quyền chủ động cho các cấp, các ngành, các địa phương trong việc triển khai thực hiện kế hoạch. Nâng cao hiệu quả đầu tư và kiên quyết xóa bỏ cơ chế “xin - cho”, chống tiêu cực, tham nhũng, lợi ích nhóm.

II. NỘI DUNG CHỦ YẾU

1. Về dự án đầu tư công:

a) Ưu tiên đầu tư các dự án kết cấu hạ tầng có khả năng tạo sức lan tỏa lớn, có tính kết nối liên vùng, đặc biệt là kết cấu hạ tầng giao thông chiến lược của tỉnh bảo đảm đồng bộ, hiện đại, liên thông, tổng thể, thúc đẩy liên kết vùng, nội vùng của tỉnh (06 vùng không gian kinh tế động lực, 02 trung tâm động lực tăng trưởng, 03 trung tâm đô thị và 04 hành lang phát triển kinh tế) gắn với hai hành lang phát triển của vùng (Hành lang kinh tế Bắc - Nam và hành lang kinh tế Đông - Tây); hạ tầng y tế, giáo dục, văn hóa, thể thao, an sinh xã hội; hạ tầng lưới điện; hạ tầng kỹ thuật đô thị tại ba trung tâm đô thị đã được xác định trong Quy hoạch tỉnh để thu hút nguồn vốn khu vực tư nhân trong và ngoài nước vào phát triển cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội quan trọng của tỉnh và liên vùng. Đồng thời, bảo đảm cơ cấu đầu tư hợp lý, hiệu quả giữa các vùng, lĩnh vực, vừa gia tăng động lực tăng trưởng, vừa bảo đảm an sinh xã hội, thu hẹp chênh lệch về khoảng cách giàu - nghèo.

b) Tiếp tục ưu tiên đầu tư hoàn thiện hạ tầng thủy lợi, đê điều, cấp nước, thoát nước,... đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo an sinh xã hội, phòng cháy, chữa cháy, quốc phòng, an ninh, phòng chống và giảm nhẹ thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu, nước biển dâng.

c) Danh mục các dự án dự kiến ưu tiên đầu tư và phân kỳ thực hiện: Theo Phụ lục kèm theo.

2. Dự án đầu tư sử dụng các nguồn vốn khác ngoài vốn đầu tư công

a) Đầu tư hoàn thiện hạ tầng của tỉnh trên cơ sở các công trình hạ tầng đã và đang được đầu tư dẫn dắt bởi các dự án đầu tư công, phát huy tối đa hiệu quả của các công trình hạ tầng đã được đầu tư. Tập trung thu hút đầu tư vào các ngành, lĩnh vực: Giao thông vận tải; công nghiệp, hạ tầng khu kinh tế, khu công nghiệp, cụm công nghiệp; du lịch, thương mại, dịch vụ, văn hoá, thể thao; hạ tầng đô thị, khu dân cư; tài nguyên và môi trường; nông, lâm nghiệp và thủy sản; y tế, giáo dục, văn hoá, thông tin và truyền thông, an sinh xã hội; thu hút các dự án khác theo yêu cầu phát triển của tỉnh.

b) Thu hút đầu tư gia tăng mật độ, quy mô, năng suất, hiệu quả các cơ sở sản xuất, kinh doanh tại các vùng động lực của tỉnh.

c) Danh mục các dự án dự kiến ưu tiên đầu tư và phân kỳ thực hiện: Theo Phụ lục kèm theo.

3. Kế hoạch sử dụng đất

a) Xây dựng trình cấp có thẩm quyền phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất tỉnh Quảng Ngãi thời kỳ 2021-2025 và 2026-2030 bảo đảm phù hợp với Quy hoạch sử dụng đất quốc gia, chỉ tiêu Quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 và Kế hoạch sử dụng đất quốc gia được Thủ tướng Chính phủ giao; Quy hoạch ngành quốc gia, Quy hoạch tỉnh; Luật Quy hoạch, Luật Đất đai và pháp luật có liên quan.

b) Tổ chức quản lý, sử dụng hiệu quả, hợp lý, tiết kiệm và bền vững đất đai với tầm nhìn dài hạn; đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội; bảo đảm quốc phòng, an ninh; phát triển giáo dục, văn hóa, thể thao; bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu; tạo động lực cho sự phát triển toàn diện về mọi mặt theo đúng định hướng của Quy hoạch tỉnh.

c) Cập nhật, điều chỉnh, bổ sung kế hoạch sử dụng đất tại địa phương trong từng thời kỳ cụ thể cho phù hợp với Quy hoạch sử dụng đất, Kế hoạch sử dụng đất an ninh, quốc phòng thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

4. Nguồn lực thực hiện Quy hoạch

Để thực hiện mục tiêu tăng trưởng GRDP là 7,25 - 8,25% bình quân hằng năm trong thời kỳ quy hoạch 2021 - 2030, tỉnh Quảng Ngãi dự kiến cần huy động tổng số vốn đầu tư toàn xã hội khoảng 410 nghìn tỷ đồng, cụ thể:

Nguồn vốn	Cơ cấu trong tổng vốn toàn giai đoạn 2021-2030	
	Giai đoạn 2021-2025	Giai đoạn 2026-2030
Nguồn vốn khu vực nhà nước ¹	20% (tương đương 30 nghìn tỷ)	23% (tương đương 60 nghìn tỷ)
Nguồn vốn khu vực ngoài nhà nước (không bao gồm vốn FDI)	52% (tương đương 78 nghìn tỷ)	46% (tương đương 120 nghìn tỷ)
Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI)	28% (tương đương 42 nghìn tỷ)	31% (tương đương 80 nghìn tỷ)

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Hoàn thiện cơ chế, chính sách phát triển

a) Rà soát, bãi bỏ các quy hoạch về đầu tư phát triển, hàng hóa, dịch vụ, sản phẩm cụ thể, ấn định khối lượng, số lượng hàng hóa, dịch vụ, sản phẩm được sản xuất, tiêu thụ thực hiện trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 59 Luật Quy hoạch. Rà soát, lập, điều chỉnh quy hoạch đô thị, nông thôn, các quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi bảo đảm thống nhất, đồng bộ với Quy hoạch tỉnh đã được phê duyệt.

b) Phối hợp với các Bộ, cơ quan Trung ương, các địa phương trong vùng xây dựng, hoàn thiện thể chế của vùng, xác định những đề án, cơ chế, chính sách trọng

¹ Gồm ngân sách nhà nước từ trung ương và địa phương, vốn vay từ khu vực nhà nước và doanh nghiệp nhà nước

tâm, trọng điểm có ý nghĩa tạo đột phá cho phát triển vùng, phát triển ngành gắn với tư duy mở, cơ chế vượt trội; tập trung đủ nguồn lực nhà nước cho kích hoạt, kết nối nguồn lực tư nhân, tạo “tăng trưởng” lan tỏa cho cả vùng và cho tỉnh. Đồng thời, tổ chức triển khai xây dựng các đề án, cơ chế, chính sách quan trọng của địa phương gắn với liên kết vùng, bảo đảm phù hợp với lộ trình và thực tiễn phát triển của địa phương.

c) Nghiên cứu xây dựng, ban hành các đề án, chính sách phát triển các ngành kinh tế quan trọng của tỉnh, trong đó ưu tiên đầu tư phát triển đi kèm với các chính sách ưu đãi để khuyến khích, thu hút các thành phần kinh tế tham gia trong quá trình xây dựng các cơ chế, chính sách và đầu tư kinh doanh trên địa bàn tỉnh. Thúc đẩy khởi nghiệp sáng tạo, hỗ trợ kinh tế tư nhân, nhất là các doanh nghiệp vừa và nhỏ.

d) Ban hành kịp thời, đồng bộ và thực hiện có hiệu quả các chính sách về phát triển giáo dục, đào tạo, y tế, văn hoá, an sinh xã hội,... gắn với tiến bộ, công bằng xã hội và phù hợp với định hướng phát triển trong điều kiện phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

2. Về thu hút đầu tư phát triển

a) Tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính, đặc biệt là cải cách thủ tục hành chính, cải thiện môi trường đầu tư. Tăng cường, đổi mới công tác xúc tiến đầu tư; hoàn thiện mô hình tổ chức và phương thức hoạt động của cơ quan đầu mối xúc tiến đầu tư của tỉnh; nghiên cứu, xây dựng bộ tiêu chí đánh giá hiệu quả công tác xúc tiến đầu tư, mở rộng phạm vi xúc tiến đầu tư cả về chiều rộng và chiều sâu và để thu hút các dự án đầu tư lớn, phục vụ các ngành, lĩnh vực trong định hướng phát triển của tỉnh. Xây dựng Đề án ưu tiên thu hút nhà đầu tư nước ngoài (FDI) lớn, có thương hiệu vào tỉnh Quảng Ngãi; mở rộng các hình thức đầu tư, khuyến khích hợp tác công tư và các hình thức khác.

b) Tăng cường xúc tiến đầu tư trong và ngoài nước để huy động nguồn lực phát triển kết cấu hạ tầng và các ngành, lĩnh vực quan trọng trên địa bàn, theo hướng đa dạng với nhiều hình thức và chú trọng xúc tiến đầu tư tại chỗ; tăng cường hỗ trợ phát triển doanh nghiệp và cải thiện môi trường đầu tư - kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh, tạo môi trường đầu tư thuận lợi, thông thoáng, hấp dẫn nhà đầu tư. Đặc biệt, tận dụng những cơ hội từ các Hiệp định thương mại tự do thế hệ mới mà Việt Nam là thành viên, như: Hiệp định Đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP), Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam - Liên minh châu Âu (EVFTA), Hiệp định Đối tác kinh tế toàn diện khu vực (RCEP),... để tranh thủ kêu gọi các đối tác đầu tư nước ngoài.

c) Chú trọng thu hút đầu tư có chọn lọc, các dự án đầu tư nước ngoài, ưu tiên các dự án đầu tư có công nghệ tiên tiến, công nghệ mới, công nghệ cao, công nghệ sạch, quản trị hiện đại, có giá trị gia tăng cao, có tác động lan tỏa, kết nối chuỗi giá trị sản xuất và cung ứng liên quốc gia, trong khu vực và toàn cầu. Ưu tiên kêu gọi các tập đoàn kinh tế lớn, các nhà đầu tư có thương hiệu, có tiềm lực tài chính, có khả năng đầu tư ổn định, lâu dài đầu tư vào các lĩnh vực mà tỉnh ưu tiên, khuyến khích đầu tư như: nông nghiệp tập trung, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; hạ tầng khu, cụm công nghiệp; ngành công nghiệp có lợi thế; dịch vụ, thương mại -

du lịch; kinh tế biển; hạ tầng đô thị, nông thôn;... nhằm đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng theo hướng nhanh, bền vững, bảo vệ môi trường, giải quyết các vấn đề xã hội, nâng cao chất lượng, hiệu quả sử dụng vốn đầu tư.

3. Về phát triển nguồn nhân lực

a) Hoàn thiện cơ chế, chính sách thu hút và đãi ngộ nguồn nhân lực chất lượng cao; xây dựng các cơ chế thu hút nguồn lao động từ ngoại tỉnh hoặc người dân dân Quảng Ngãi làm ăn xa quê về làm việc tại quê hương.

b) Đầu tư hiện đại hóa các cơ sở giáo dục, đào tạo ở các bậc học, đặc biệt là bậc đại học, cao đẳng và đào tạo nghề; thường xuyên cập nhật kiến thức, phương pháp dạy học mới, chuẩn hoá chương trình học bám sát nhu cầu của thị trường lao động và nhu cầu xã hội. Khuyến khích khu vực ngoài công lập đầu tư phát triển các cơ sở giáo dục nghề nghiệp để hình thành mạng lưới đào tạo nhân lực có kỹ năng nghề, nhất là nhân lực chất lượng cao.

c) Tăng cường hợp tác giữa các cơ sở giáo dục đào tạo, giáo dục nghề nghiệp với doanh nghiệp sử dụng lao động và đẩy mạnh hợp tác quốc tế trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo, nghiên cứu. Khuyến khích lao động tham gia học nghề; kết nối thông tin thị trường lao động, hệ thống dữ liệu liên thông với các địa phương trong vùng và cả nước; hình thành và phát triển sàn giao dịch việc làm trực tuyến.

4. Về bảo đảm an sinh xã hội

a) Tiếp tục hoàn thiện hạ tầng giao thông kết nối khu vực khó khăn với các trung tâm đô thị, gắn với các hành lang kinh tế của tỉnh. Thực hiện tốt công tác đào tạo, đào tạo nghề, giải quyết việc làm để từng bước giúp cho nhóm yếu thế, nhóm dễ bị tổn thương và nhóm người nghèo ổn định cuộc sống, thoát nghèo và thoát nghèo bền vững.

b) Quan tâm đầu tư phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng đặc biệt khó khăn; hỗ trợ tạo điều kiện để đồng bào dân tộc thiểu số tiếp cận bình đẳng nguồn lực, cơ hội phát triển và hưởng thụ đầy đủ, công bằng các dịch vụ xã hội cơ bản. Triển khai có hiệu quả các chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng đặc biệt khó khăn.

c) Nâng cao chất lượng, tăng cường số lượng đội ngũ cán bộ là người dân tộc thiểu số; củng cố hệ thống chính trị cơ sở; giữ vững khối đại đoàn kết các dân tộc. Đẩy mạnh công tác dân tộc, tôn giáo; kịp thời phổ biến Luật và văn bản dưới luật để tổ chức điều hành, hỗ trợ các tổ chức tôn giáo hoạt động đúng theo hiến chương, điều lệ của giáo hội và thực hiện theo đúng quy định của pháp luật Việt Nam.

5. Về bảo vệ môi trường

a) Bổ sung, hoàn thiện hệ thống chính sách về bảo vệ môi trường, đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất với hệ thống pháp luật và bám sát thực tế các vấn đề về môi trường. Xây dựng quy chế quản lý chất thải, quản lý ô nhiễm; khuyến khích ứng dụng, chuyển đổi sử dụng các công nghệ tiên tiến, hiện đại thân thiện với môi trường.

b) Tăng cường công tác quản lý nhà nước về môi trường; tăng cường kiểm tra, thanh tra chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường, đấu tranh phòng chống tội

phạm về môi trường. Tổ chức tốt hoạt động quản lý môi trường trong các khu công nghiệp, cụm công nghiệp và làng nghề. Phát huy tối đa hiệu quả hoạt động của lực lượng cảnh sát môi trường.

c) Thường xuyên tổ chức triển khai công tác tuyên truyền, giáo dục pháp luật về bảo vệ môi trường đến từng tổ chức kinh tế - xã hội và công dân, nhằm nâng cao ý thức bảo vệ môi trường của toàn xã hội. Nâng cao chất lượng đánh giá tác động môi trường các dự án đầu tư.

6. Bảo đảm nguồn lực tài chính

a) Siết chặt kỷ luật, kỷ cương tài chính - ngân sách; tăng cường công tác quản lý, khai thác, sử dụng hiệu quả nguồn lực tài chính, tài sản công ở tất cả các cấp ngân sách gắn với phòng chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí, “lợi ích nhóm”. Tái cơ cấu, nâng cao hiệu quả phân bổ, quản lý, sử dụng vốn; đầu tư có trọng tâm, trọng điểm, ưu tiên những dự án phát huy hiệu quả lớn, lan tỏa cao; nâng cao tỷ lệ giải ngân gắn với chất lượng công trình và hoàn thành đúng tiến độ các dự án làm cơ sở để thu hút các nguồn lực đầu tư ngoài ngân sách theo phương châm “*lấy đầu tư công dẫn dắt đầu tư tư*”. Ban hành các quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi theo nguyên tắc ngân sách tỉnh giữ vai trò chủ đạo trong hệ thống ngân sách địa phương để phát triển kinh tế - xã hội, kết hợp đồng bộ với các quy định giám sát, kiểm tra sau phân cấp. Dành tối đa mọi nguồn lực để ưu tiên bố trí vốn cho đầu tư phát triển, theo hướng tăng dần tỉ trọng chi đầu tư, giảm dần tỉ trọng chi thường xuyên.

b) Tăng tỷ trọng các nguồn thu ngân sách bền vững; tăng cường giải pháp tăng thu ngân sách, chống thất thu thuế; triển khai rộng rãi hóa đơn điện tử; tăng cường quản lý nguồn thu ngân sách, đảm bảo công bằng và minh bạch đối với các thành phần kinh tế,... Đẩy mạnh việc sắp xếp lại, xử lý các cơ sở nhà, đất của các cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh để bố trí, sử dụng đúng mục đích, đúng pháp luật, có hiệu quả; đồng thời, khai thác nguồn lực tài chính từ quỹ đất dôi dư, không còn nhu cầu sử dụng để phát triển kinh tế xã hội của địa phương và huy động nguồn lực từ tài chính đất đai (thu từ việc giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, sắp xếp lại, xử lý nhà, đất).

c) Căn cứ nguồn vốn ngân sách trung ương hỗ trợ có mục tiêu và khả năng cân đối ngân sách của địa phương để triển khai xây dựng kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm, bảo đảm hoàn thành các chương trình, dự án; đặc biệt là dự án ưu tiên đầu tư trong thời kỳ quy hoạch. Thực hiện tốt kế hoạch đầu tư công trung hạn các giai đoạn, trong đó ưu tiên các công trình quan trọng, cấp bách, có tính kết nối, tạo động lực cho phát triển.

7. Bảo đảm quốc phòng, an ninh

a) Tiếp tục giữ vững ổn định và phát huy vai trò của cả hệ thống chính trị của địa phương; củng cố, kiện toàn tổ chức bộ máy cũng như cơ chế hoạt động. Triển khai các đồng bộ các giải pháp phát triển kinh tế - xã hội gắn với củng cố, tăng cường thế trận khu vực phòng thủ của tỉnh; quản lý, sử dụng đất quốc phòng, an ninh; quản lý, bảo vệ công trình quốc phòng và khu vực quân sự trên địa bàn tỉnh.

b) Xây dựng lực lượng vũ trang chính quy, tinh nhuệ, vững mạnh, toàn diện, có sức mạnh tổng hợp và trình độ khả năng sẵn sàng chiến đấu cao, không để bị

động, bất ngờ trong mọi tình huống, không để phát sinh điểm nóng về an ninh trật tự; xử lý kịp thời, hiệu quả các tình huống, bảo đảm giữ vững an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội.

c) Xây dựng lực lượng Công an nhân dân thật sự trong sạch, vững mạnh, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của lực lượng công an ở tất cả các cấp, trước mắt là tập trung xây dựng, quy hoạch trụ sở, nơi làm việc bảo đảm đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ của lực lượng công an xã, thị trấn.

8. Các nhiệm vụ, giải pháp khác

Thực hiện theo các nội dung đã nêu tại Phần XI Điều 1 Quyết định số 1456/QĐ-TTg ngày 22 tháng 11 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Quảng Ngãi thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ

Trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao có trách nhiệm hướng dẫn Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi trong quá trình thực hiện Kế hoạch này; trường hợp cần thiết, phối hợp với tỉnh Quảng Ngãi nghiên cứu, xây dựng hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành một số cơ chế, chính sách phù hợp nhằm huy động, sử dụng có hiệu quả các nguồn lực để thực hiện Quy hoạch tỉnh.

2. Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi

a) Thực hiện nghiêm túc và đầy đủ các cam kết nêu tại Tờ trình số 156/TTr-UBND ngày 30 tháng 9 năm 2024.

b) Công bố, tuyên truyền, phổ biến thông tin về Kế hoạch thực hiện Quy hoạch tỉnh Quảng Ngãi tới các cơ quan, tổ chức liên quan, nhà đầu tư trong nước và nước ngoài, tạo đồng thuận và điều kiện thuận lợi để triển khai các dự án đầu tư phát triển đã được xác định trong Quy hoạch tỉnh Quảng Ngãi thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

c) Quán triệt và phân công nhiệm vụ tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch thực hiện Quy hoạch tỉnh Quảng Ngãi tới từng sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; phát huy tinh thần nỗ lực của các ngành, các cấp, cộng đồng doanh nghiệp và Nhân dân để phấn đấu thực hiện các mục tiêu đã được ban hành tại Kế hoạch thực hiện Quy hoạch tỉnh.

d) Nghiên cứu, xây dựng và ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành cơ chế, chính sách, giải pháp để triển khai thực hiện các nhiệm vụ đã được xác định trong Kế hoạch thực hiện Quy hoạch tỉnh. Có kế hoạch, giải pháp thu hút đầu tư, bảo đảm nguồn lực tài chính, an sinh xã hội, quốc phòng, an ninh, phát triển nguồn nhân lực, khoa học công nghệ, bảo vệ môi trường để triển khai thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ và định hướng đã được xác định trong Kế hoạch thực hiện Quy hoạch tỉnh.

đ) Việc chấp thuận hoặc quyết định chủ trương đầu tư và triển khai các dự án đầu tư trên địa bàn, bao gồm các dự án chưa được xác định trong các phương án phát triển ngành, lĩnh vực, phương án phát triển các khu chức năng, kết cấu hạ tầng

kỹ thuật, xã hội và danh mục dự án dự kiến ưu tiên thực hiện trong Quy hoạch tỉnh phải phù hợp với các Quy hoạch và Kế hoạch thực hiện Quy hoạch cấp quốc gia, Quy hoạch vùng và theo quy định tại khoản 3 Điều 2 Quyết định số 1456/QĐ-TTg ngày 22 tháng 11 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ cũng như điều kiện thực tiễn phát triển của tỉnh Quảng Ngãi.

e) Tổ chức đánh giá thực hiện Quy hoạch tỉnh định kỳ theo tiêu chí đánh giá quy định tại Điều 7 Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ; báo cáo Thủ tướng Chính phủ theo quy định tại khoản 3 Điều 49 Luật Quy hoạch.

g) Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi báo cáo Thủ tướng Chính phủ, đồng thời gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định./.

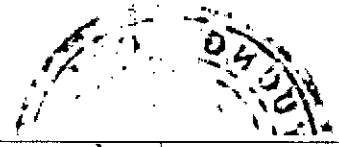


Phụ lục

**ĐANH MỤC CÁC DỰ ÁN DỰ KIẾN ƯU TIÊN ĐẦU TƯ VÀ
PHÂN KỲ THỰC HIỆN TRONG QUY HOẠCH TỈNH**

(Kèm theo Quyết định số: 1320/QĐ-TTg ngày 01 tháng 11 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

STT	Danh mục dự án	Phân kỳ đầu tư		Nguồn vốn dự kiến
		2021 - 2025	2026 - 2030	
A	DỰ ÁN ĐẦU TƯ TỪ NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC			
I	Đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng giao thông vận tải			
1	Tuyến đường Ven biển Dung Quất - Sa Huỳnh	x	x	Ngân sách nhà nước
2	Đường Hoàng Sa - Dốc Sỏi	x	x	Ngân sách nhà nước
3	Đường nối từ cầu Thạch Bích đi Tịnh Phong	x	x	Ngân sách nhà nước
4	Kè chống sạt lở và tôn tạo cảnh quan bờ Nam sông Trà Khúc (Cầu Trà Khúc I - bến Tam Thương)	x	x	Ngân sách nhà nước
5	Đập dâng hạ lưu sông Trà Khúc	x	x	Ngân sách nhà nước
6	Nâng cấp, mở rộng đường tỉnh Quảng Ngãi-Chợ Chùa	x	x	Ngân sách nhà nước
7	Trục đường chính trung tâm huyện Lý Sơn	x		Ngân sách nhà nước
8	Cầu và đường nối từ trung tâm huyện lỵ Sơn Tịnh đến huyện Tư Nghĩa (Cầu Trà Khúc 3)	x	x	Ngân sách nhà nước
9	Cầu Trà Khúc 1	x	x	Ngân sách nhà nước
10	Đầu tư mới, nâng cấp, mở rộng các Cảng	x	x	Vốn ngân sách và các nguồn vốn hợp pháp khác
11	Đầu tư xây dựng, nâng cấp, mở rộng các tuyến đường tỉnh, đường liên huyện	x	x	Vốn ngân sách và các nguồn vốn hợp pháp khác
12	Đầu tư xây dựng một số công trình cầu trên các sông thuộc địa bàn tỉnh	x	x	Vốn ngân sách và các nguồn vốn



STT	Danh mục dự án	Phân kỳ đầu tư		Nguồn vốn dự kiến
		2021 - 2025	2026 - 2030	
				hợp pháp khác
II	Đầu tư phát triển hạ tầng khu kinh tế, khu công nghiệp, cụm công nghiệp			
1	Các tuyến đường trục trong Khu kinh tế Dung Quất	x	x	Vốn ngân sách và các nguồn vốn hợp pháp khác
2	Hệ thống thu gom và các trạm xử lý nước thải trong khu kinh tế Dung Quất	x	x	Vốn ngân sách và các nguồn vốn hợp pháp khác
3	Xây dựng hạ tầng các khu tái định cư, nghĩa trang, nghĩa địa trong Khu kinh tế Dung Quất	x	x	Vốn ngân sách và các nguồn vốn hợp pháp khác
III	Đầu tư phát triển hệ thống đô thị			
1	Xây dựng phát triển hạ tầng đô thị thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi	x	x	Vốn ngân sách và các nguồn vốn hợp pháp khác
2	Hệ thống thu gom, xử lý nước mưa, nước thải thành phố Quảng Ngãi, lưu vực phía Nam hạ lưu sông Trà Khúc	x	x	Vốn ngân sách và các nguồn vốn hợp pháp khác
3	Khu đô thị mới đảo An Phú (đảo Ngọc)		x	Vốn ngân sách và các nguồn vốn hợp pháp khác
IV	Đầu tư các dự án phát triển hệ thống hạ tầng thương mại, dịch vụ; phát triển du lịch	x	x	Vốn ngân sách và các nguồn vốn

STT	Danh mục dự án	Phân kỳ đầu tư		Nguồn vốn dự kiến
		2021 - 2025	2026 - 2030	
				hợp pháp khác
V	Đầu tư phát triển hạ tầng phục vụ phát triển lĩnh vực nông, lâm nghiệp và thủy sản; bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu			
1	Cải tạo, nâng cấp cơ sở hạ tầng, kiên cố hóa hệ thống thủy lợi đồng muối Sa Huỳnh	x	x	Vốn ngân sách và các nguồn vốn hợp pháp khác
2	Hồ chứa nước Suối Đá	x		Ngân sách nhà nước
3	Khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá kết hợp cảng cá Cổ Lũy, thành phố Quảng Ngãi (giai đoạn 1)	x		Ngân sách nhà nước
4	Vũng neo đậu tàu thuyền đảo Lý Sơn (giai đoạn II)	x		Ngân sách nhà nước
5	Đê chắn sóng bến Cảng Bên Đình (đảo Lý Sơn)	x	x	Ngân sách nhà nước
6	Sửa chữa và nâng cao an toàn đập (WB8) (Quảng Ngãi)	x		Ngân sách nhà nước
7	Hiện đại hóa thủy lợi nhằm thích ứng với biến đổi khí hậu tỉnh Quảng Ngãi	x	x	Ngân sách nhà nước
8	Phục hồi và Quản lý rừng bền vững khu vực miền Trung và miền Bắc Việt Nam - Dự án KFW9 (giai đoạn 1) tỉnh Quảng Ngãi	x		Ngân sách nhà nước
9	Xây dựng cơ sở hạ tầng thích ứng với biến đổi khí hậu cho đồng bào dân tộc thiểu số (CRIEM)	x	x	Ngân sách nhà nước
10	Sửa chữa, nâng cấp hồ chứa nước Biều Qua, huyện Minh Long	x		Ngân sách nhà nước
11	Sửa chữa, nâng cấp hồ chứa nước Sở Hầu, thị xã Đức Phổ	x		Ngân sách nhà nước
12	Kè chống sạt lở bờ Bắc sông Trà Khúc, huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi	x	x	Ngân sách nhà nước
13	Sửa chữa, nâng cấp hồ chứa nước huyện Bình Sơn (Châu Long, Châu Thuận, Bình Yên, Lỗ Tây, Hồ Chuối)	x		Ngân sách nhà nước
14	Sửa chữa, nâng cấp hồ chứa nước huyện Sơn Tịnh (Hồ Vàng, Hồ Đèo, Đá Chồng)	x		Ngân sách nhà nước

STT	Danh mục dự án	Phân kỳ đầu tư		Nguồn vốn dự kiến
		2021 - 2025	2026 - 2030	
15	Tăng cường quản lý đất đai và cơ sở dữ liệu đất đai thực hiện tại tỉnh Quảng Ngãi	x		Ngân sách nhà nước
16	Đầu tư xây dựng kè chống sạt lở kết hợp giải phóng mặt bằng để khai thác quỹ đất bờ Bắc sông Trà Khúc, đoạn qua xã Tịnh An và Tịnh Long, thành phố Quảng Ngãi	x	x	Ngân sách nhà nước
17	Đầu tư, nâng cấp, sửa chữa các cảng cá, khu neo đậu, tránh trú bão cho tàu cá; khu dịch vụ hậu cần nghề cá	x	x	Vốn ngân sách và các nguồn vốn hợp pháp khác
18	Dự án thu, trữ nước huyện Lý Sơn	x	x	Vốn ngân sách và các nguồn vốn hợp pháp khác
VI	Y tế, giáo dục, văn hoá, thể thao, thông tin và truyền thông, an sinh xã hội, quản lý nhà nước			
1	Trung tâm hội nghị và triển lãm tỉnh	x		Ngân sách nhà nước
2	Xây dựng Hội trường thuộc trụ sở UBND tỉnh	x		Ngân sách nhà nước
3	Nâng cấp, cải tạo sân vận động tỉnh và đường vành đai xung quanh sân vận động	x	x	Ngân sách nhà nước
4	Trung tâm y tế quân dân y kết hợp huyện Lý Sơn	x		Ngân sách nhà nước
5	Nâng cấp bệnh viện đa khoa tỉnh (Hạng mục: Khu điều trị cán bộ trung cao, khu kỹ thuật cao, các khoa phòng chức năng và hạng mục phụ trợ)	x		Ngân sách nhà nước
6	Trung tâm y tế huyện Sơn Tịnh	x		Ngân sách nhà nước
7	Nâng cấp, mở rộng Bệnh viện đa khoa Đặng Thùy Trâm	x		Ngân sách nhà nước
8	Đầu tư xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp, mở rộng và mua sắm trang thiết bị cho 04 Trung tâm Y tế tuyến huyện, tỉnh Quảng Ngãi	x		Ngân sách nhà nước
9	Trường Cao đẳng Việt Nam - Hàn Quốc - Quảng Ngãi	x		Ngân sách nhà nước

STT	Danh mục dự án	Phân kỳ đầu tư		Nguồn vốn dự kiến
		2021 - 2025	2026 - 2030	
10	Đầu tư xây dựng và phát triển hệ thống cung ứng dịch vụ y tế tuyến cơ sở - Dự án thành phần tỉnh Quảng Ngãi	x		Ngân sách nhà nước
11	Đầu tư xây dựng Cơ sở cai nghiện ma túy	x	x	Ngân sách nhà nước
12	Trung tâm Điều dưỡng Người có công tỉnh Quảng Ngãi - Giai đoạn 2	x	x	Ngân sách nhà nước
13	Nâng cấp Trung tâm công tác xã hội tỉnh Quảng Ngãi (trụ sở I,II)	x		Ngân sách nhà nước
14	Dự án Làng Hòa bình Việt Nam - Hàn Quốc tỉnh Quảng Ngãi	x	x	Vốn ngân sách và các nguồn vốn hợp pháp khác
15	Chuyển đổi số hoạt động cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi	x	x	Vốn ngân sách và các nguồn vốn hợp pháp khác
16	Xây dựng Hệ thống Đài truyền thanh cơ sở Ứng dụng Công nghệ thông tin - Viễn thông	x		Vốn ngân sách và các nguồn vốn hợp pháp khác
17	Đầu tư hệ thống trang thiết bị cho sản xuất và truyền dẫn phát sóng các chương trình phát thanh, phát thanh có hình và trang bị máy phát điện dự phòng 500 KVA	x		Vốn ngân sách và các nguồn vốn hợp pháp khác
18	Đầu tư xây dựng mới, nâng cấp, mở rộng bệnh viện tuyến tỉnh	x	x	Vốn ngân sách và các nguồn vốn hợp pháp khác
19	Nâng cấp mở rộng các công trình thuộc các trường học trên địa bàn tỉnh	x	x	Vốn ngân sách và các nguồn vốn hợp pháp khác

STT	Danh mục dự án	Phân kỳ đầu tư		Nguồn vốn dự kiến
		2021 - 2025	2026 - 2030	
20	Đầu tư, ứng dụng khoa học công nghệ	x	x	Vốn ngân sách và các nguồn vốn hợp pháp khác
21	Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, thiết chế, mạng lưới cơ sở văn hóa, thể thao	x	x	Vốn ngân sách và các nguồn vốn hợp pháp khác
22	Phát triển, mở rộng nền tảng số, dữ liệu, ứng dụng, dịch vụ nâng cao hiệu quả phục vụ của Chính quyền số; Phát triển, nâng cấp hạ tầng chính quyền số; Đảm bảo an toàn an ninh thông tin	x	x	Vốn ngân sách và các nguồn vốn hợp pháp khác
23	Xây dựng đô thị thông minh tỉnh Quảng Ngãi và các lĩnh vực ưu tiên chuyển đổi số	x	x	Vốn ngân sách và các nguồn vốn hợp pháp khác
24	Chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ cho các cơ quan báo chí, phát thanh truyền hình và công tác quản lý lĩnh vực báo chí, truyền thông; Đầu tư hệ thống trang thiết bị, cơ sở vật chất phục vụ truyền thông quảng bá; Chuyển đổi số cho hệ thống thông tin cơ sở, thông tin đối ngoại của tỉnh	x	x	Vốn ngân sách và các nguồn vốn hợp pháp khác
VII	Đầu tư các công trình phục vụ quốc phòng, an ninh			
1	Đầu tư mới trụ sở làm việc mới cho công an xã, thị trấn trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi	x	x	Ngân sách nhà nước
2	Đầu tư hạ tầng phòng cháy và chữa cháy	x	x	Ngân sách nhà nước
3	Các chương trình, dự án thuộc lĩnh vực quốc phòng, an ninh	x	x	Ngân sách nhà nước
VIII	Các dự án khác theo yêu cầu phát triển của tỉnh	x	x	Vốn ngân sách và các nguồn vốn hợp pháp khác
B	CÁC DỰ ÁN THU HÚT ĐẦU TƯ			
I	Giao thông vận tải			

STT	Danh mục dự án	Phân kỳ đầu tư		Nguồn vốn dự kiến
		2021 - 2025	2026 - 2030	
1	Cảng hàng không Lý Sơn	x	x	Vốn ngoài ngân sách nhà nước, vốn ngân sách
2	Đường Cao tốc Quảng Ngãi - Kon Tum	x	x	Vốn ngoài ngân sách nhà nước, vốn ngân sách
3	Đầu tư xây dựng một số bến thủy nội địa trên địa bàn tỉnh	x	x	Vốn ngoài ngân sách nhà nước
4	Đầu tư xây dựng một số công trình cầu trên các sông thuộc địa bàn tỉnh (Sông Trà Bồng, Sông Trà Khúc, Sông Vệ v.v.)	x	x	Vốn ngoài ngân sách nhà nước
5	Hệ thống Cảng biển tại Khu kinh tế Dung Quất	x	x	Vốn ngoài ngân sách nhà nước, ưu tiên FDI
II	Công nghiệp, hạ tầng khu kinh tế, khu công nghiệp, cụm công nghiệp			
1	Sản xuất hoá chất và các sản phẩm dầu khí.	x	x	Vốn ngoài ngân sách nhà nước
2	Công nghiệp chế biến, chế tạo theo hướng công nghệ cao và thân thiện hơn với môi trường	x	x	Vốn ngoài ngân sách nhà nước, ưu tiên FDI
3	Đầu tư xây dựng, kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp, cụm công nghiệp	x	x	Vốn ngoài ngân sách nhà nước, ưu tiên FDI
4	Đầu tư, mở rộng các kho chứa các sản phẩm lọc hóa dầu trên địa bàn tỉnh	x	x	Vốn ngoài ngân sách nhà nước
5	Công nghiệp sản xuất điện: Nhiệt điện khí, điện gió, thủy điện, điện sinh khối, điện rác (đầu tư mới và nâng công suất)	x	x	Vốn ngoài ngân sách nhà nước; ưu tiên FDI
6	Công nghiệp phụ trợ, sản xuất, các phụ phẩm và phế thải công nghiệp	x	x	Vốn ngoài ngân sách nhà

STT	Danh mục dự án	Phân kỳ đầu tư		Nguồn vốn dự kiến
		2021 - 2025	2026 - 2030	
				nước, ưu tiên FDI
III	Du lịch, thương mại, dịch vụ, văn hoá, thể thao			
1	Đầu tư sân gôn kết hợp với các khu nghỉ dưỡng, du lịch, thể thao, vui chơi giải trí	x	x	Vốn ngoài ngân sách nhà nước, ưu tiên FDI
2	Khu liên hợp thể dục thể thao cấp tỉnh	x	x	Vốn ngoài ngân sách nhà nước
3	Khu du lịch Mỹ Khê	x	x	Vốn ngoài ngân sách nhà nước, ưu tiên FDI
4	Khu du lịch đảo Lý Sơn	x	x	Vốn ngoài ngân sách nhà nước, ưu tiên FDI
5	Quần thể đô thị nghỉ dưỡng và du lịch sinh thái Thạch Bích - Núi Chúa	x	x	Vốn ngoài ngân sách nhà nước
6	Khu dịch vụ - du lịch An Vĩnh	x	x	Vốn ngoài ngân sách nhà nước
7	Khu dịch vụ - du lịch Đồng Hộ, An Hải	x	x	Vốn ngoài ngân sách nhà nước
8	Khu du lịch sinh thái Thạch Bích	x	x	Vốn ngoài ngân sách nhà nước
9	Khu du lịch sinh thái Cà Đam	x	x	Vốn ngoài ngân sách nhà nước
10	Khu dịch vụ, du lịch sinh thái Bùi Hui	x	x	Vốn ngoài ngân sách nhà nước, ưu tiên FDI

STT	Danh mục dự án	Phân kỳ đầu tư		Nguồn vốn dự kiến
		2021 - 2025	2026 - 2030	
11	Khu du lịch sinh thái nghỉ dưỡng Hồ Núi Ngang	x	x	Vốn ngoài ngân sách nhà nước
12	Khu du lịch Bình Châu	x	x	Vốn ngoài ngân sách nhà nước, ưu tiên FDI
13	Khu du lịch Sa huỳnh	x	x	Vốn ngoài ngân sách nhà nước
14	Khu hậu cần dịch vụ - logistics Cảng hàng không Chu Lai	x	x	Vốn ngoài ngân sách nhà nước, ưu tiên FDI
15	Dự án Khu hậu cần cảng - logistics Bắc Dung Quất	x	x	Vốn ngoài ngân sách nhà nước, ưu tiên FDI
16	Xây dựng các Chợ đầu mối	x	x	Vốn ngoài ngân sách nhà nước
17	Khu Thương mại đô thị kết hợp Hậu cần nghề cá Sa Huỳnh	x	x	Vốn ngoài ngân sách nhà nước
18	Đầu tư hệ thống siêu thị, trung tâm thương mại, nhà hàng, khách sạn, trung tâm Hội nghị, chợ hạng I, v.v.	x	x	Vốn ngoài ngân sách nhà nước, ưu tiên FDI
19	Khu thể dục, thể thao, văn hóa tập trung quy mô liên huyện; đầu tư các khu, điểm du lịch, khu vui chơi, giải trí, v.v.	x	x	Vốn ngoài ngân sách nhà nước
20	Trạm dừng nghỉ, trung chuyển, bến xe, cửa hàng xăng dầu	x	x	Vốn ngoài ngân sách nhà nước
21	Hạ tầng dịch vụ hậu cần cảng và logistics	x	x	Vốn ngoài ngân sách nhà nước
IV	Hạ tầng đô thị, khu dân cư			

STT	Danh mục dự án	Phân kỳ đầu tư		Nguồn vốn dự kiến
		2021 - 2025	2026 - 2030	
1	Khu đô thị sinh thái đa chức năng, xã Tịnh Long và Tịnh Khê, thành phố Quảng Ngãi	x	x	Vốn ngoài ngân sách nhà nước
2	Khu đô thị sinh thái và du lịch Coastal Quảng Ngãi	x	x	Vốn ngoài ngân sách nhà nước
3	Khu đô thị nghỉ dưỡng, sinh thái Sông nước Quảng Ngãi	x	x	Vốn ngoài ngân sách nhà nước
4	Khu đô thị Hoàng Sa - Dốc Sỏi	x	x	Vốn ngoài ngân sách nhà nước
5	Khu đô thị Tịnh Long	x	x	Vốn ngoài ngân sách nhà nước
6	Khu đô thị Tịnh Phong	x	x	Vốn ngoài ngân sách nhà nước
7	Khu đô thị Châu Ô - Bình Long	x	x	Vốn ngoài ngân sách nhà nước
8	Khu đô thị, dịch vụ Đông Nam Dung Quất,	x	x	Vốn ngoài ngân sách nhà nước
9	Khu đô thị - Dịch vụ Nam Châu Ô - Bình Long	x	x	Vốn ngoài ngân sách nhà nước
10	Khu đô thị - Dịch vụ Nam sân bay Chu Lai,	x	x	Vốn ngoài ngân sách nhà nước
11	Khu đô thị Gành Yến Ocean View City	x	x	Vốn ngoài ngân sách nhà nước
12	KDC Rừng Nhợ (huyện Lý Sơn)	x	x	Vốn ngoài ngân sách nhà nước
13	Khu đô thị - du lịch Lý Sơn	x	x	Vốn ngoài ngân sách nhà nước

STT	Danh mục dự án	Phân kỳ đầu tư		Nguồn vốn dự kiến
		2021 - 2025	2026 - 2030	
14	Công viên Quảng trường biển, kết hợp khu đô thị - dịch vụ sinh thái thành phố Quảng Ngãi	x	x	Vốn ngoài ngân sách nhà nước
15	Công viên Thạch Bích	x	x	Vốn ngoài ngân sách nhà nước
16	Công viên Thiên Bút	x	x	Vốn ngoài ngân sách nhà nước
17	Các dự án đầu tư khu nhà ở công nhân, nhà ở xã hội, nhà ở thương mại;	x	x	Vốn ngoài ngân sách nhà nước
V	Tài nguyên và Môi trường			
1	Khu liên hợp xử lý chất thải tổng hợp Dung Quất	x	x	Vốn ngoài ngân sách nhà nước
2	Khu liên hợp xử lý chất thải rắn sinh hoạt thị xã Đức Phổ	x	x	Vốn ngoài ngân sách nhà nước
3	Dự án Nghĩa trang nhân dân Nghĩa Kỳ	x	x	Vốn ngoài ngân sách nhà nước
4	Nghĩa trang sinh thái Hoa viên Vĩnh Hằng	x	x	Vốn ngoài ngân sách nhà nước
5	Công viên nghĩa trang Vĩnh Hằng	x	x	Vốn ngoài ngân sách nhà nước
6	Đầu tư khu xử lý nước thải, thu gom, xử lý chất thải, nghĩa trang, nhà tang lễ quy mô cấp tỉnh, liên huyện.	x	x	Vốn ngoài ngân sách nhà nước
VI	Nông, lâm nghiệp và thủy sản			
1	Khu nông nghiệp tập trung; khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao	x	x	Vốn ngoài ngân sách nhà nước, ưu tiên FDI
2	Thu hút đầu tư nhà máy chế biến nông lâm thủy sản thực phẩm	x	x	Vốn ngoài ngân sách nhà nước

STT	Danh mục dự án	Phân kỳ đầu tư		Nguồn vốn dự kiến
		2021 - 2025	2026 - 2030	
3	Khu hậu cần nghề cá	x	x	Vốn ngoài ngân sách nhà nước
4	Phát triển các vùng chuyên canh cây nông nghiệp, dược liệu, vườn ươm v.v.	x	x	Vốn ngoài ngân sách nhà nước
5	Phát triển các khu chăn nuôi, giết mổ tập trung	x	x	Vốn ngoài ngân sách nhà nước
VII	Y tế, giáo dục, văn hoá, thông tin và truyền thông, an sinh xã hội			
1	Bệnh viện đa khoa phía Nam thị xã Đức Phổ	x	x	Vốn ngoài ngân sách nhà nước
2	Bệnh viện đa khoa Tịnh Phong, Dung Quất	x	x	Vốn ngoài ngân sách nhà nước
3	Trường THPT Tư thực La Hà	x	x	Vốn ngoài ngân sách nhà nước
4	Trường THPT Tư thực Hành Đức	x	x	Vốn ngoài ngân sách nhà nước
VIII	Các dự án thu hút khác theo yêu cầu phát triển của tỉnh	x	x	Vốn ngoài ngân sách nhà nước

Ghi chú: Trong quá trình thực hiện, tỉnh Quảng Ngãi căn cứ Quy hoạch tỉnh được duyệt và các quy hoạch khác có liên quan để xác định tên, vị trí, quy mô, diện tích, tổng mức đầu tư và nguồn vốn đầu tư của các dự án nêu trên và các dự án khác theo định hướng phát triển đảm bảo phù hợp nhu cầu, khả năng cân đối, huy động nguồn lực đầu tư của từng giai đoạn, thực tiễn của địa phương.